

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 13/09/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Phùng Trường	An	Nam	10.04.2004	Hà Nội		
2	B00002	Trần Đức	Anh	Nam	10.09.2002	Hà Nam		
3	B00003	Vũ Thị Mai	Anh	Nữ	22.11.2002	Yên Bái		
4	B00004	Phạm Lê Trang	Anh	Nữ	09.09.2004	Hải Phòng		
5	B00005	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	30.05.2004	Hà Nội		
6	B00006	Bùi Minh	Anh	Nữ	17.03.2004	Vĩnh Phúc		
7	B00007	Nguyễn Hiền	Anh	Nữ	04.09.2004	Lào Cai		
8	B00008	Ngô Duy	Anh	Nam	03.01.2004	Quảng Ninh		
9	B00009	Hoàng Tâm	Anh	Nữ	16.06.2004	Hoà Bình		
10	B00010	Đào Đức	Anh	Nam	10.10.2003	Hà Nam		
11	B00011	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	25.10.2004	Hà Nội		
12	B00012	Đặng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12.06.2003	Hà Nội		
13	B00013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	28.09.2004	Phú Thọ		
14	B00014	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	03.08.2005	Vĩnh Phúc		
15	B00015	Phùng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	05.09.1999	Vĩnh Phúc		
16	B00016	Vũ Tùng	Bách	Nam	16.02.2002	Lào Cai		
17	B00017	Nguyễn Hải	Bình	Nữ	20.10.2002	Hà Nội		
18	B00018	Nguyễn Thị	Cúc	Nữ	06.09.1992	Vĩnh Phúc		
19	B00019	Lưu Quốc	Cường	Nam	03.09.2003	Hà Nội		
20	B00020	Nguyễn Văn Bảo	Chấn	Nam	15.08.2001	Ninh Bình		
21	B00021	Nguyễn Thị Bảo	Châu	Nữ	30.09.2004	Nghệ An		
22	B00022	Hạ Quỳnh	Chi	Nữ	29.01.2001	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 13/09/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00023	Nguyễn Tiến	Chung	Nam	06.12.2006	Hà Nội		
2	B00024	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	16.05.1999	Hải Dương		
3	B00025	Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	07.10.1998	Ninh Bình		
4	B00026	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	30.01.1990	Hà Nội		
5	B00027	Lương Ngọc	Duy	Nam	10.06.1993	Thái Bình		
6	B00028	Phan Mỹ	Duyên	Nữ	29.08.2003	Hà Tây		
7	B00029	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	02.04.2004	Bắc Ninh		
8	B00030	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	12.06.2003	Hà Tây		
9	B00031	Đinh Đức	Dương	Nam	16.09.2003	Nam Định		
10	B00032	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	10.03.2001	Hà Nội		
11	B00033	Trần Thị Ánh	duyên	Nữ	02.08.2004	Hải Dương		
12	B00034	Phạm Văn	Đông	Nam	13.06.1986	Vĩnh Phúc		
13	B00035	Lê Thị Châu	Giang	Nữ	20.02.2003	Nghệ An		
14	B00036	Lương Thị Ngọc	Hà	Nữ	14.09.2003	Sơn La		
15	B00037	Bùi Thị Thu	Hà	Nữ	03.04.2003	Hà Giang		
16	B00038	Trần Thanh	Hà	Nữ	03.06.2004	Thanh Hoá		
17	B00039	Phan Thị Thanh	Hà	Nữ	22.10.2004	Hải Phòng		
18	B00040	Vũ Thanh	Hà	Nữ	20.05.2004	Hà Tây		
19	B00041	Hoàng Minh	Hằng	Nữ	21.01.2001	Hà Nội		
20	B00042	Hoàng Thu	Hằng	Nữ	15.04.2004	Hà Nội		
21	B00043	Tuấn Thị Thanh	Hiền	Nam	28.03.2004	Hoà Bình		
22	B00044	Phạm Gia	Hiếu	Nam	20.07.2004	Hải Phòng		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 13/09/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00045	Trần Thuý	Hoa	Nữ	11.05.2003	Hà Nội		
2	B00046	Nguyễn Thị Minh	Hòa	Nữ	12.11.2004	Bắc Ninh		
3	B00047	Nguyễn Thị	Huế	Nữ	09.05.2003	Bắc Ninh		
4	B00048	Đỗ Quốc	Huy	Nam	10.08.2004	Hà Nội		
5	B00049	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	05.02.2002	Hà Tây		
6	B00050	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	22.08.2004	Thanh Hóa		
7	B00051	Đỗ Thùy	Hương	Nữ	08.03.1992	Sơn La		
8	B00052	Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	10.02.2004	Hà Nội		
9	B00053	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	03.02.1991	Bắc Giang		
10	B00054	Nguyễn Thu	Hường	Nữ	10.06.2004	Hà Nội		
11	B00055	Phạm Quang	Khải	Nam	14.05.2003	Thanh Hoá		
12	B00056	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	08.07.2004	Vĩnh Phúc		
13	B00057	Đặng Thị Hương	Lan	Nữ	15.07.2003	Yên Bái		
14	B00058	Lê Ngọc	Lan	Nữ	12.06.2004	Nam Định		
15	B00059	Vũ Trọng	Lân	Nam	23.10.2004	Nam Định		
16	B00060	Nguyễn Đức	Lập	Nam	23.11.1999	Hải Dương		
17	B00061	Vũ Thị Kim	Liên	Nữ	20.11.1983	Hưng Yên		
18	B00062	Nguyễn Bảo	Linh	Nữ	11.10.2002	Hà Nội		
19	B00063	Phạm Thùy	Linh	Nữ	15.11.2003	Phú Thọ		
20	B00064	Nguyễn Đỗ Huyền	Linh	Nữ	09.08.2004	Lào Cai		
21	B00065	Phạm Hoài	Linh	Nữ	05.03.2005	Hà Nội		
22	B00066	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	21.09.2004	Nam Định		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 13/09/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00067	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	20.07.2004	Hà Tĩnh		
2	B00068	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	30.03.2004	Bắc Ninh		
3	B00069	Đào Khánh	Linh	Nữ	13.08.2003	Hà Nội		
4	B00070	Đặng Thị Diệu	Linh	Nữ	02.01.2005	Ninh Bình		
5	B00071	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	26.03.2004	Hà Tĩnh		
6	B00072	Vũ Thị	Loan	Nữ	20.02.1978	Hà Nội		
7	B00073	Vũ Thị	Luyến	Nữ	12.08.1997	Hà Tây		
8	B00074	Nguyễn Thị	Lương	Nữ	20.09.1989	Phú Thọ		
9	B00075	Hà Hương	Ly	Nữ	07.08.2005	Hà Nội		
10	B00076	Nguyễn Thị Khánh	Ly	Nữ	27.08.2004	Hà Tĩnh		
11	B00077	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15.09.2005	Bắc Ninh		
12	B00078	Ngô Hoàng	Mai	Nữ	02.01.2002	Hải Phòng		
13	B00079	Trần Dương	Mạnh	Nam	31.08.2004	Nghệ An		
14	B00080	Hoàng Thị Trà	My	Nữ	09.03.2003	Cao Bằng		
15	B00081	Huỳnh Thị Hà	My	Nữ	12.03.2004	Hà Tĩnh		
16	B00082	Nguyễn Thanh	Nga	Nữ	14.08.2004	Bắc Ninh		
17	B00083	Đỗ Minh	Ngọc	Nữ	23.10.2005	Vĩnh Phúc		
18	B00084	Phan Thị	Nguyệt	Nữ	10.09.2003	Thái Bình		
19	B00085	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	07.10.2004	Nghệ An		
20	B00086	Nguyễn Phạm Yến	Nhi	Nữ	17.01.2003	Thanh Hóa		
21	B00087	Nguyễn Thị Đức	Nhi	Nữ	12.04.2004	Thanh Hóa		
22	B00088	Ngô Thị Ngọc	Oanh	Nữ	15.02.2003	Bắc Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 13/09/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00089	Trần Huy	Phúc	Nam	22.05.2001	Hưng Yên		
2	B00090	Bùi Thị Hà	Phương	Nữ	26.05.2003	Thái Bình		
3	B00091	Đào Hoài	Phương	Nữ	25.05.2004	Hải Phòng		
4	B00092	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	28.01.2004	Hải Dương		
5	B00093	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	30.09.2002	Nam Định		
6	B00094	Nguyễn Ngọc	Quyên	Nữ	02.02.2004	Hải Phòng		
7	B00095	Đỗ Thị Hồng	Quyết	Nữ	29.07.2002	Thanh Hóa		
8	B00096	Nguyễn Hồ Mỹ	Quỳnh	Nữ	26.10.2004	Hà Nội		
9	B00097	Nguyễn Thị Diệu	Quỳnh	Nữ	14.02.2002	Hà Nội		
10	B00098	Nguyễn Thị	Sao	Nữ	17.10.2004	Bắc Ninh		
11	B00099	Dương Thị	Sen	Nữ	16.10.1991	Thanh Hoá		
12	B00100	Nguyễn Quang	Sơn	Nam	16.05.1999	Hà Nội		
13	B00101	Đặng Nguyễn Hùng	Sơn	Nam	16.01.2004	Hà Nội		
14	B00102	Trần Anh	Sơn	Nam	10.10.1988	Nghệ An		
15	B00103	Nguyễn Đức	Tài	Nam	02.04.1993	Hà Nội		
16	B00104	Bùi Lê Minh	Tâm	Nữ	16.11.2003	Hoà Bình		
17	B00105	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	27.02.2003	Thanh Hoá		
18	B00106	Lê Thị Mỹ	Tâm	Nữ	10.02.2002	Thanh Hóa		
19	B00107	Ma Duy	Tân	Nam	25.08.2003	Tuyên Quang		
20	B00108	Nguyễn Văn	Thành	Nam	02.11.2003	Hải Dương		
21	B00109	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	17.05.2003	Nghệ An		
22	B00110	Phạm Phương	Thảo	Nữ	17.05.2004	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 13/09/2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00111	Phùng Thu	Thảo	Nữ	15.04.2004	Hà Nội		
2	B00112	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	14.10.2004	Hải Phòng		
3	B00113	Dương Thị	Thảo	Nữ	11.11.2004	Điện Biên		
4	B00114	Trần Phương	Thảo	Nữ	06.07.2004	Phú Thọ		
5	B00115	Phan Quang	Thắng	Nam	09.11.2002	Hà Nội		
6	B00116	Cao Đức	Thịnh	Nam	23.04.2000	Hà Nội		
7	B00117	Đặng Thị	Thu	Nữ	20.10.2002	Hà Nội		
8	B00118	Nguyễn Phương	Thùy	Nữ	22.04.2002	Quảng Ninh		
9	B00119	Phạm Thị	Thúy	Nữ	31.12.2002	Hải Dương		
10	B00120	Phạm Thị Thanh	Thủy	Nữ	02.09.1997	Quảng Ninh		
11	B00121	Đặng Thu	Trà	Nữ	25.02.2004	Hải Phòng		
12	B00122	Cao Thị Thu	Trang	Nữ	26.10.2002	Hà Nội		
13	B00123	Bùi Thu	Trang	Nữ	03.01.1996	Hà Nội		
14	B00124	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	09.03.2004	Ninh Bình		
15	B00125	Trần Thanh	Trang	Nữ	16.08.2004	Hà Nội		
16	B00126	Đào Thị Thu	Trang	Nữ	10.11.2004	Phú Thọ		
17	B00127	Hoàng Thị Linh	Trang	Nữ	05.11.2004	Hà Giang		
18	B00128	Đỗ Thùy	Trang	Nữ	28.11.2004	Hà Nội		
19	B00129	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	03.10.2003	Ninh Bình		
20	B00130	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	23.08.2003	Hà Nội		
21	B00131	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	21.11.2001	Thanh Hoá		
22	B00132	Đỗ Minh	Anh	Nữ	23.12.2003	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)